TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08-3-2024.
V/v "Ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Hà Minh Hằng.

2- Ông Phan Công Rô.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Điền -Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2023/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Đoàn Mộng T, sinh ngày 01/01/1970 (có mặt).

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đoàn Mộng T trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Thanh S về chung sống với nhau năm 1992, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục ở địa phương và cũng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hoà hợp dẫn đến cự cải với nhau, hơn nữa anh S lại chung sống với người phụ nữ khác bỏ mặt tình mẹ con chị

định đoạt, từ đó vợ chồng đã ly thân đến nay gần 15 năm. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

Về con chung: Có 03 người con tên Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 10/9/1993, Nguyễn Thanh T, sinh ngày 04/10/1999 và Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 18/8/2012. Nay chị yêu cầu xin được nuôi cháu Nguyễn Thị Ngọc Tr, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Còn Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thanh T đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh S Tòa án đã tống đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh S vẫn vắng mặt và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Đoàn Mộng T giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã nêu trên. Ngoài ra không có kiến kiến, yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Thanh S vắng mặt.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đoàn Mộng T và anh Nguyễn Thanh S.

Về con chung: Ghi nhận yêu cầu của chị Đoàn Mộng T là giao cháu Nguyễn Thị Ngọc Tr (theo nguyện vọng của cháu Tr) cho chị T nuôi dưỡng, anh Sơn không phải cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thanh T đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị T thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Chị T thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con, bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều

28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Nguyễn Thanh S được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Thanh S.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Đoàn Mộng T và anh Nguyễn Thanh S tự nguyện về chung sống với nhau năm 1992, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh S không hợp pháp.

Tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

Khoản 1 Điều 14 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đoàn Mộng T và anh Nguyễn Thanh S.

Về con chung: Có 03 người con tên Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 10/9/1993, Nguyễn Thanh T, sinh ngày 04/10/1999 và Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 18/8/2012. Chị T yêu cầu xin được nuôi cháu Nguyễn Thị Ngọc Tr, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Còn Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thanh T đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Xét thấy yêu cầu của chị T là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, từ khi vợ chồng ly thân đến nay chị T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc Tr, cuộc sống của các cháu đã ổn định, đồng thời cũng theo nguyện vọng của cháu Tr và bản thân của chị T có điều kiện để nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, xử giao cháu Nguyễn Thị Ngọc Tr cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Sơn không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Còn

cháu Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Thanh T đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Chị Đoàn Mộng Thu thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đoàn Mộng T phải chịu tiền án phí 300.000đ, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộ là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số: 0008922 ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nêu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 14, 53, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 , Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đoàn Mộng T và anh Nguyễn Thanh S.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 18/8/2012 (theo nguyện vọng của cháu Tr) cho chị Đoàn Mộng T chăm sóc, nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con. Còn Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 10/9/1993, Nguyễn Thanh T, sinh ngày 04/10/1999 đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Anh S có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị T và anh S có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Đoàn Mộng T thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Đoàn Mộng T phải chịu tiền án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số: 0008922 ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị T có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/3/2024). Đối với anh S vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- CC-THADS huyện;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn (V).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm